

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung
thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 786/UBTVQH14 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh đến năm 2030, tầm nhìn sau năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 4784/SXD-QH ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh đến năm 2035 (kèm theo Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Như Thanh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Gồm toàn bộ phạm vi Quy hoạch chung đã duyệt tại Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 và phần mở rộng địa giới hành chính thị trấn Bến Sung theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV. Ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp: xã Hải Long;
- Phía Nam giáp: xã Xuân Thái, xã Xuân Phúc và xã Yên Thọ;
- Phía Đông giáp: xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh và xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống;
- Phía Tây giáp: xã Xuân Khang, xã Xuân Thái, xã Hải Long.

2. Tính chất, chức năng

- Là đô thị loại V, trung tâm huyện lỵ của huyện Như Thanh;
- Là đô thị vệ tinh thuộc vùng kinh tế động lực phía Tây Nam của tỉnh Thanh Hóa, phát triển đa ngành với trọng tâm là dịch vụ du lịch gắn với Khu du lịch Bến En, có vai trò hỗ trợ trung tâm kinh tế động lực Nghi Sơn;
- Là đô thị sinh thái gắn với cảnh quan, mặt nước hồ Bến En và khe Rồng.

3. Quy mô dân số và đất đai

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2021: Khoảng 12.385 người (thị trấn Bến Sung 10.320 người, xã Hải Long 815 người, xã Yên Thọ 1250 người);
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2035 khoảng: 40.000 người (thị trấn Bến Sung 35.935 người, xã Hải Long 1.615 người, xã Yên Thọ 2.450 người).

b) Quy mô đất đai:

Tổng diện tích trong phạm vi quy hoạch khoảng 2.388,8 ha (thị trấn Bến Sung 2.192ha; thôn Đồng Hải, xã Hải Long 126ha; thôn Yên Trung, xã Yên Thọ 70,8ha), trong đó có diện tích 944 ha đồ án đã duyệt năm 2015 (theo Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 21/9/2015) và 1.444,8ha nghiên cứu mới.

4. Định hướng phát triển không gian đô thị

a) Phát triển không gian thị trấn Bến Sung trên nguyên tắc kế thừa các định hướng đã được phê duyệt tại Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh, điều chỉnh một số nội dung để phù hợp với tình hình mới và phát triển thêm theo các vùng mở rộng, gồm:

- Mở rộng đô thị về phía Tây, hình thành khu du lịch sinh thái Bến En;
- Mở rộng đô thị về phía Nam, hình thành trung tâm mới của thị trấn.

b) Không gian tổng thể chia thành 03 phân vùng không gian chính:

(1) Vùng không gian đô thị hiện hữu: là không gian đô thị đã định hình, cơ bản ổn định theo quy hoạch chung được duyệt. Gồm các khu vực sau:

- Khu vực trung tâm huyện lỵ phía Bắc khe Ròng, với các chức năng chính như trung tâm hành chính - chính trị, thương mại, dân cư đô thị hiện hữu và là khu vực cửa ngõ phía Bắc của đô thị.

- Khu vực phía Nam khe Ròng đến Quốc lộ 45, với các chức năng chính là giáo dục, văn hóa, y tế và thương mại.

- Khu vực từ Quốc lộ 45 đến kênh Nông giang, với các chức năng chính như trung tâm thương mại, chợ và dịch vụ.

- Khu vực Xuân Điền, Yên Trung là khu vực dân cư hiện hữu và cửa ngõ phía Đông của Đô thị.

(2) Vùng không gian mở rộng phía Nam kênh Nông giang, là không gian dự kiến phát triển đô thị mới, gồm các khu vực sau:

- Khu vực trung tâm thị trấn mới tại phía Tây tuyến đường Tiểu dự án 2 Nghi Sơn – CHK Thọ Xuân, với các chức năng chủ yếu gồm trung tâm hành chính, văn hóa thị trấn, dịch vụ thương mại và dân cư mới.

- Khu vực đồi núi và đất quốc phòng phía Nam thị trấn; cửa ngõ phía Nam gắn với tuyến đường nút giao Vạn Thiện đi Bến En.

(3) Không gian mở rộng thuộc Dự án “Quần thể du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi giải trí cao cấp Bến En”.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích toàn khu 2.388,8ha; bao gồm:

- Đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 1.125ha, đến năm 2035 khoảng 1.197ha.

- Đất dân dụng mới đến năm 2030 khoảng 208,57ha, đến năm 2035 khoảng 252,67ha.

- Đất ở mới đến năm 2030 khoảng 170,85ha, đến năm 2035 khoảng 201,04ha.

5.1. Các chỉ tiêu và cơ cấu sử dụng đất

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Đến năm 2030 (34.200 người)		Đến năm 2035 (40.000 người)	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích lập quy hoạch			2.388,8		2.388,8	
A	Thị trấn Bến Sung (Đến 2030 dân số 30.935 người(tăng thêm 20.615 người); đến 2035 dân số 35.935 người(tăng thêm 25.615 người))		2.192,00	100,0	2.192,0	100,0
A1	Đất xây dựng đô thị khu A		1.125,0	51,32	1.197,0	54,61
	Đất dân dụng hiện trạng khu A		374,86	17,10	373,85	17,06
1	Đất đơn vị ở hiện trạng khu A		314,06	14,33	313,05	14,28
1.1	Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo khu A	DCHT	272,60	12,44	272,60	12,44
1.2	Đất dân cư tái định cư khu A	TĐC-A	41,46	1,89	40,45	1,85
2	Đất công cộng đô thị hiện trạng khu A		8,98	0,41	8,98	0,41
3	Đất giao thông hiện trạng khu A		51,82	2,36	51,82	2,36
II	Đất dân dụng mới khu A		208,57	9,52	252,67	11,53
1	Đất đơn vị ở mới khu A		170,85	7,79	201,04	9,17
1.1	Đất ở mới thị trấn Bến Sung	DCM-A	72,27		102,46	
1.2	Đất ở mới trong khu du lịch sinh thái Bến En	DCM-A	98,58		98,58	
2	Đất công cộng đô thị mới khu A		15,88	0,72	19,31	0,88
3	Đất cây xanh đô thị mới khu A	CXĐT-A	4,64	0,21	12,27	0,56
4	Đất giao thông đô thị mới khu A		17,20	0,78	20,05	0,91
III	Đất ngoài dân dụng khu A		541,52	24,70	570,49	26,03
1	Đất trụ sở - cơ quan	CQ-A	16,29	0,74	16,29	0,74
2	Đất sử dụng hỗn hợp khu A	HH-A	13,79	0,63	13,79	0,63
3	Đất di tích, tôn giáo khu A	DT-A	27,25	1,24	27,25	1,24

4	Đất giáo dục - đào tạo khu A	ĐT-A	2,56	0,12	2,56	0,12
5	Đất thương mại dịch vụ khu A	DVTM-A	62,64	2,86	65,82	3,00
6	Đất y tế khu A	YT-A	2,08	0,09	2,08	0,09
7	Đất công nghiệp khu A	CN-A	12,80	0,58	12,80	0,58
8	Đất du lịch khu A	DL	24,90	1,14	24,90	1,14
9	Đất quân sự khu A	QS-A	79,62	3,63	79,62	3,63
10	Đất thể dục thể thao khu A	TDTT-A	90,73	4,14	90,81	4,14
11	Đất công viên cây xanh chuyên đề khu A	CXCĐ-A	18,40	0,84	30,42	1,39
12	Đất cây xanh cảnh quan khu A	CXCQ-A	94,5	4,31	94,5	4,31
13	Đất nghĩa trang khu A	NT-A	28,43	1,30	28,43	1,30
14	Đất công trình đầu mối HTKT khu A	HTKT	9,69	0,44	9,69	0,44
15	Đất bãi đỗ xe khu A	BĐX-A	6,24	0,28	6,24	0,28
16	Đất giao thông đối ngoại khu A		51,60	2,35	64,08	2,92
A2	Đất khác khu A		1067,05	48,68	994,99	45,39
1	Đất lâm nghiệp khu A	LN	789,55	36,02	728,87	33,25
2	Đất nông nghiệp khu A	NN	76,30	3,48	62,00	2,83
3	Đất nông nghiệp khác khu A	NNK	47,70	2,18	39,70	1,81
3	Mặt nước khu A	NN	153,50	7,00	164,42	7,50
B	Diện tích thuộc xã Hải Long (Đến 2030 dân số 1.315 người, đến 2035 dân số 1.615 người)		126,00	100,00	126,00	100,00
I	Đất ở nông thôn khu B		30,22	23,98	30,22	23,98
1.1	Đất dân cư làng xóm hiện trạng khu B	DCLX-B	19,62	15,57	19,62	15,57
1.2	Đất dân cư làng xóm mới khu B	LXM-B	10,60	8,41	10,60	8,41
2	Đất công cộng khu B	CC-B	2,54	2,02	2,54	2,02
3	Đất cây xanh khu B	CX-B	6,07	4,82	6,07	4,82
4	Đất sử dụng hỗn hợp khu B	HH-B	11,12	8,82	11,12	8,82
5	Đất quân sự khu B	QS-B	0,84	0,67	0,84	0,67
6	Đất lâm nghiệp khu B	LN	58,91	46,76	53,71	42,63
7	Mặt nước khu B	NN	4,30	3,41	6,70	5,32
8	Đất giao thông khu B		12,00	9,52	14,80	11,75
C	Diện tích thuộc xã Yên Thọ (Đến 2030 dân số 1.950 người, đến 2035 dân số 2.450 người)		70,80	100,00	70,80	100,00

1	Đất ở nông thôn khu C		33,26	46,98	36,89	52,10
1.1	Đất dân cư làng xóm hiện trạng khu C	DCLX-C	28,51	40,27	28,51	40,27
1.2	Đất dân cư làng xóm mới khu C	LXM-C	4,75	6,71	8,38	11,84
2	Đất công cộng đô thị hiện trạng khu C		1,39	1,96	1,39	1,96
2.1	Đất TDĐT hiện trạng khu C	TDĐT-C	0,98	1,38	0,98	1,38
2.2	Đất công cộng mới khu C	CC-C	0,41	0,58	0,41	0,58
3	Đất cây xanh đô thị mới khu C	CX-C-01	0,73	1,03	0,73	1,03
4	Đất nghĩa trang khu C	NT-C	2,68	3,79	2,68	3,79
5	Đất nông nghiệp khu C	NN	22,86	32,29	17,45	24,65
6	Mặt nước khu C	MN	3,500	4,94	3,500	4,94
7	Đất giao thông hiện trạng khu C		6,38	9,01	8,16	11,53

5.2. Phân khu chức năng

5.2.1. Khu hành chính - chính trị:

- Giữ nguyên vị trí khu trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện và các cơ quan lân cận như hiện nay, quy mô diện tích khoảng: 2,2ha.

- Bố trí quỹ đất phía Tây – Nam Trung tâm Y tế dự phòng để di chuyển trụ sở của Bảo hiểm xã hội và Quản lý thị trường.

- Giữ nguyên vị trí Công sở thị trấn mới hiện nay, mở rộng khuôn viên về phía sân bóng, diện tích khu công sở khoảng 2,0ha.

5.2.2. Công trình dịch vụ công cộng đô thị:

- Trung tâm Văn hóa – Thể thao:

+ Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện: Giữ nguyên theo quy hoạch chung được duyệt tại phía Nam trung tâm hành chính thuộc một phần khu đất thể thao hiện nay mở rộng về phía Đông kết hợp với quảng trường hành chính tạo thành quần thể các công trình Hành chính – Chính trị - Văn hóa – Thể dục thể thao – Quảng trường – Tượng đài.

+ Trung tâm Văn hóa – Thể thao thị trấn: Bố trí tại khu vực phía sau Ủy ban Thị trấn hiện nay.

+ Bố trí các thiết chế văn hóa thể thao đảm bảo tiêu chuẩn cho tất cả các đơn vị ở và khu phố làm hạt nhân để phát triển đời sống văn hóa các khu dân cư.

- Công viên, cây xanh: Thay đổi vị trí công viên trung tâm tại phía Tây Nam cầu Khe Ròng tới vị trí mới tại phía Tây khu vực Đồi Đất Đỏ - Đồi Bộ Đội; kết hợp với dải cây xanh hai bên kênh thoát nước từ Hồ Đồng Mười lên phía Bắc. Bố trí các công viên cây xanh đảm bảo tiêu chuẩn trong các đơn vị ở.

- Y tế: Giữ nguyên các diện tích Bệnh viện Đa khoa huyện, Trung tâm y tế dự phòng huyện hiện nay. Bố trí trạm y tế thị trấn tại khu vực công sở mới.

- Giáo dục, đào tạo: Giữ nguyên vị trí các trường hiện có gồm: Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị, Trường trung cấp nghề, Trường Dân tộc nội trú. Trường Trung học phổ thông, các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Riêng trường Mầm non và Tiểu học Khu B thị trấn được nâng cấp thành trường học liên cấp tại khu vực phía Bắc khu phố Đồng Mười để phục vụ nhu cầu thu hút đầu tư phát triển thêm cơ sở giáo dục của thị trấn. Bố trí bổ sung thêm 01 trường học liên cấp theo tiêu chuẩn tại vị trí phía Bắc khu phố Xuân Lai hiện nay để phục vụ đơn vị ở mới trong Khu du lịch sinh thái Bến En;

- Công trình thương mại dịch vụ, chợ:

+ Khai thác hiệu quả lợi thế các trục quốc lộ 45, tuyến đường nối nút giao Vạn Thiện đi Bến En, tuyến đường Tiểu dự án 2 Cảng Hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, các trục chính đô thị để phát triển dịch vụ thương mại, văn phòng, trụ sở, ngân hàng, dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn, siêu thị và các khu phố kinh doanh thương mại.

+ Bổ sung quy hoạch trung tâm dịch vụ và tổ chức sự kiện tại khu vực phía sau Trung tâm bồi dưỡng chính trị hiện tại.

+ Giữ nguyên quy mô, vị trí chợ Bến Sung hiện nay.

+ Bổ sung trung tâm đầu mối giao dịch nông lâm sản, thực phẩm quy mô diện tích khoảng 17,0ha tại phía Đông Bắc thị trấn, giáp trang trại bò sữa xã Phú Nhuận.

5.2.3. Các khu dân cư đô thị:

- Dân số khu vực quy hoạch đến năm 2035 khoảng 40.000 người, riêng khu vực thị trấn Bến Sung đến năm 2035 khoảng 35.925 người, tăng thêm khoảng 25.615 người. Toàn bộ chia ra thành 03 đơn vị ở và một số nhóm ở riêng lẻ, gồm:

+ Đơn vị ở số 01: Vùng đô thị hiện hữu trong khu vực quy chung đã được phê duyệt, dân số đến năm 2035 khoảng 16.210 người.

+ Đơn vị ở số 02: Trong vùng không gian mở rộng phía Nam kênh Nông Giang, dân số quy hoạch đến năm 2035 khoảng 12.225 người.

+ Đơn vị ở số 03: Trong Khu du lịch sinh thái Bến En, dân số đến năm 2035 gồm cả khách du lịch quy đổi tương đương 7.500 người.

- Thôn Đồng Hải (Hải Long), dân số đến năm 2035 khoảng 1.615 người;

- Thôn Yên Trung (Yên Thọ), dân số đến năm 2035 khoảng 2.450 người;

- Bố trí các công trình dịch vụ công cộng, cây xanh công viên đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ cho các đơn vị ở. Các nhóm ở thôn Đồng Hải (Hải Long), thôn Yên Trung (xã Yên Thọ) sử dụng hạ tầng xã hội đã được bố trí cho các xã.

- Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo: Ổn định các khu dân cư hiện có, từng bước cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật như đường, điện, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường đảm bảo tiêu chuẩn đô thị, đồng bộ với KDC phát triển mới.

- Bố trí các khu tái định cư tại các vị trí thích hợp để chủ động thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án trong khu vực.

5.2.4. Đất thuộc khu du lịch sinh thái Bến En

Diện tích nằm trong thị trấn khoảng 512ha, gồm các khu chức năng:

- Khu dịch vụ hỗn hợp và vui chơi giải trí cao cấp: được bố trí ở trung tâm dự án tại khu vực vị trí Ban quản lý Vườn quốc gia hiện nay, bao gồm các chức năng như: bãi đỗ xe, khu công viên chuyên đề và vui chơi giải trí, nhà ga cáp treo, khu dịch vụ, nhà hàng, khách sạn.

- Khu biệt thự sinh thái, bố trí tại các vị trí có điểm nhìn và cảnh quan đẹp, ven hồ Đồng Lớn, mỗi cụm biệt thự sinh thái được bố trí các công trình thương mại dịch vụ để phục vụ và cung cấp các tiện ích hàng ngày cho khu biệt thự.

- Khu dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở để phục vụ cho dân cư và khách du lịch tại khu vực đất nông nghiệp khu phố Xuân Lai, bao gồm các công trình như trường liên cấp, khu văn hóa, thể thao.

- Khu sân golf dự kiến: được bố trí giáp phía Tây núi Đồng Hang trên cơ sở khai thác khu vực có địa hình đa dạng và cảnh quan đẹp với hệ thống mặt nước hồ Đồng Lớn và cảnh quan thực vật đá vôi núi Đồng Hang.

- Điều chỉnh vị trí Ban quản lý Vườn quốc gia hiện nay về vị trí phía Tây thôn Vân Thành, quy mô diện tích khoảng 8,0ha.

5.2.5. Các khu vực hạn chế xây dựng:

- Các khu vực an ninh quốc phòng, gồm:
 - + Các khu đất thuộc Kho K826;
 - + Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Như Thanh;
 - + Trụ sở Công an huyện Như Thanh;
 - + Nghiên cứu di dời khu hủy đạn của Kho K826 khỏi phạm vi ảnh hưởng Khu du lịch sinh thái Bến En.
- Các khu di tích, danh thắng gồm:
 - + Khu Lò cao kháng chiến Hải Vân;
 - + Khu di tích Đền Đức Ông;
 - + Khu di tích Đền phủ Sung;
 - + Khu Vườn quốc gia Bến En.
- Rừng đặc dụng và rừng phòng hộ: tại khu vực bảo vệ Vườn quốc gia Bến En và khu vực núi Đồng Hang.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền:

Toàn bộ bề mặt khu vực quy hoạch phân thành các khu vực như sau:

- Khu vực địa hình đồi núi phía Bắc: là khu vực đồi núi cao, độ dốc lớn, cao độ thay đổi từ 20-150m, khi quy hoạch cao độ nền cần bám sát địa hình tự nhiên.
- Khu vực địa hình bằng phẳng phía Nam khe Ròng: cốt xây dựng khống chế khoảng 10-12,0m, cải tạo địa hình các đồi thấp và các vùng trũng đến cao độ xây dựng.
- Khu vực dọc theo hai bờ khe Ròng: cốt xây dựng khống chế khoảng 10,5m, san lấp và gia cố kè tại các vị trí xây dựng công trình, các vị trí sạt lở tiến tới việc gia cố kè bao quanh các khu dân cư.
- Khu vực phía Tây Bắc thuộc địa phận xã Hải Long, cốt xây dựng khống chế khoảng 13,0m, san lấp triệt để về cao độ thiết kế để thuận tiện cho việc xây dựng các công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật.

b) Thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh riêng biệt với hệ thống thoát nước thải, phân làm 3 lưu vực thoát nước chính, hướng thoát nước về khe Ròng và kênh Nông Giang:

- Lưu vực 1: Toàn bộ diện tích phía Bắc khe Ròng, toàn bộ nước mặt của lưu vực thoát về khe Ròng.

- Lưu vực 2: giới hạn bởi phía Tây khe Ròng và phía Nam suối Bến Ván, thoát nước mặt về khe Ròng và suối Bến Ván.

- Lưu vực 3: toàn bộ diện tích phía Nam khe Ròng, thoát nước mặt về hai hướng: phía Bắc thoát về khe Ròng, phía Nam thoát về phía kênh Nông Giang.

6.2. Quy hoạch giao thông

* Giao thông đối ngoại - trực chính đô thị:

- Quốc lộ 45: (giữ nguyên theo mặt cắt ngang đã được phê duyệt)

+ Đoạn qua trung tâm thị trấn có quy mô mặt cắt ngang 35,0m, trong đó mặt đường 15m; vỉa hè 2x10m.

+ Đoạn còn lại trong thị trấn có quy mô mặt cắt ngang 29,0m, trong đó mặt đường 15m; vỉa hè 2x7m.

- Đường từ Vạn Thiện đi Bến En: là tuyến mới kết nối từ nút giao đường bộ cao tốc Vạn Thiện đi Bến En. Tuyến đã được chấp thuận chủ trương đầu tư. Quy hoạch mặt cắt ngang như sau:

+ Đoạn đường chính có quy mô mặt cắt ngang hoàn chỉnh là 58,0m, trong đó mặt đường chính 2x11m, dải phân cách đường chính là 5,0m; phân cách giữa đường chính và đường gom 3m; đường gom 7,5mx2; vỉa hè đường gom 2x5,0m.

+ Đoạn từ nút giao với đường tỉnh 520 đến điểm đầu của dự án Quần thể du lịch Bến En có quy mô mặt cắt ngang là 27,5m, trong đó mặt đường 2x10,5m, dải phân cách 0,5m, lề đường 2x3,0m (đoạn qua dân cư có vỉa hè).

- Tuyến đường vào Bến En quy hoạch mặt cắt ngang 27m, bao gồm: mặt đường 7,5mx2; phân cách giữa 2m; vỉa hè 5mx2.

- Tuyến đường đô thị từ thị trấn Bến Sung đi Yên Thọ có quy mô mặt cắt ngang 29m, trong đó mặt đường 15m, vỉa hè 2x7,0m.

- Tuyến đường từ thị trấn Bến Sung đi Bến En và tuyến đường từ Thị trấn Bến Sung đi Am Tiên (đoạn qua thị trấn Bến Sung trùng tuyến đường quy hoạch Tiểu dự án 2 - KKT Nghi Sơn đi CHK Thọ Xuân) điều chỉnh quy mô mặt cắt ngang thống nhất trên toàn tuyến là 43,0m, trong đó mặt đường 2x11,0m; vỉa hè 2x8,0m; phân cách giữa 5,0m. Riêng đoạn qua khu vực khu di tích Lò Cao kháng chiến điều chỉnh quy mô mặt cắt còn 34m trong đó mặt đường 11mx2; phân cách giữa 2m; vỉa hè 5mx2 để không ảnh hưởng đến ranh giới khu di tích.

- Đường vành đai phía Tây: quy mô mặt cắt ngang 29,0m bao gồm mặt đường 15m; vỉa hè 2x7,0m.

- Điều chỉnh tuyến đường số 19 nhập với tuyến đường số 20 theo quy hoạch được duyệt thành vành đai phía Đông thị trấn, tiếp tục kéo dài đến đường nối Vạn Thiện – Bến En; quy mô mặt cắt ngang 29,0m, trong đó mặt đường 2x8m; phân cách giữa 3,0m; vỉa hè 2x5,0m.

* Giao thông đối nội:

- Cơ bản các tuyến giao thông trong nội bộ thị trấn Bến Sung giữ nguyên hướng tuyến và mặt cắt ngang so với quy hoạch đã phê duyệt, có điều chỉnh để kết nối với phần mở rộng sang phần thị trấn mới sáp nhập.

- Điều chỉnh tuyến đường nối 2 Đền theo quy hoạch, mặt cắt ngang lộ giới từ 29m có dải phân cách giữa xuống 18,0m, gồm mặt đường 8m, vỉa hè 2x5,0m; điều chỉnh hướng tuyến để tránh cổng Đền Phủ Sung.

- Đối với các khu vực mở rộng, bố trí các tuyến đường với mặt cắt ngang từ 17,5m đến 29m.

- Đối với khu vực cũ: cải tạo, mở rộng hệ thống đường bê tông, cấp phối hiện có đạt tiêu chuẩn đường đô thị, với quy mô mặt cắt nền đường 13,5m trở lên.

* Giao thông tỉnh, giao thông công cộng

- Bố trí theo quy hoạch chung được duyệt Bến xe thị trấn tại vị trí đối diện trạm Kiểm lâm huyện tại Khu phố 4. Nghiên cứu vị trí bến xe trung tâm trong giai đoạn lâu dài tại xã Xuân Phúc dọc tuyến đường Vạn Thiện- Bến En quy mô khoảng 5÷7ha.

- Bố trí các bãi đỗ xe theo khu vực đảm bảo tiêu chuẩn và cự ly phục vụ.

- Tăng cường hoạt động và số lượng trạm dừng đón trả khách của tuyến xe buýt số 16 Thành phố Thanh Hóa – Như Thanh đảm bảo phục vụ.

- Bổ sung các tuyến xe buýt kết nối Sầm Sơn – Thành phố Thanh Hóa – Bến En – Am Tiên.

6.3. Quy hoạch cấp điện

* Tổng nhu cầu dùng điện đến năm 2035: 16.566 KVA.

* Nguồn điện:

- Giai đoạn trước mắt: Nguồn cấp điện cho thị trấn Bến Sung từ các nguồn:

+ Trạm 110KV Nông Cống (E9.8): Lộ 35KV 377 và lộ 22KV 473.

+ Trạm 110KV Tĩnh Gia (E9.13): Lộ 35KV 373.

+ Trạm trung gian Yên Thọ: Các lộ 471 và 473.

- Về lâu dài: Nguồn cấp điện từ trạm 110KV Như Thanh công suất 1x40MVA (có dự kiến nâng công suất thành 2x40MVA), vị trí tại xã Yên Thọ.

* Mạng lưới cấp điện:

- Mạng lưới trung áp:

+ Cải tạo và di chuyển các tuyến trung áp 35KV và 22KV hiện có theo các tuyến giao thông nhằm cấp điện cho nhu cầu cũ và mới của thị trấn.

+ Quy hoạch các tuyến 22KV mới từ trạm biến áp 110KV về cấp điện cho khu vực. Giai đoạn trước mắt vẫn đi nối trên các trụ bê tông. Việc ngầm hóa sẽ tiến hành ở các giai đoạn sau;

- Trạm biến áp phân phối

+ Các trạm biến áp hiện có được giữ nguyên vị trí, được tính toán và nâng công suất để đáp ứng nhu cầu thực tế.

+ Các trạm biến áp phân phối quy hoạch mới khuyến khích sử dụng loại trạm mặt đất (trạm Kiosk, trạm phòng, trạm trụ).

- Mạng lưới hạ thế:

+ Mạng lưới 0,4KV hiện tại được cải tạo và di chuyển theo các tuyến giao thông cấp điện từ trạm biến áp phân phối đến các đối tượng tiêu thụ.

+ Đối với mạng lưới 0,4KV quy hoạch mới khuyến khích quy hoạch ngầm nhằm đảm bảo mỹ quan và an toàn cấp điện.

- Chiếu sáng: Bố trí chiếu sáng cho toàn bộ các tuyến đường trong đô thị, vườn hoa công viên đường điện được bố trí đi ngầm dưới đất trong các mương dẫn kỹ thuật. Các tuyến đường ngang dùng cột điện liền cần chiếu sáng đô thị.

6.4. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

Tổng nhu cầu thuê bao đến năm 2035: 8.000 đường dây thuê bao.

* Đối với hạ tầng viễn thông hiện có:

- Bố trí lại hệ thống các trạm phát sóng (BTS) nhằm đảm bảo quy cách và an toàn theo quyết định 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Sử dụng loại trạm A1 (không công kênh).

+ Mạng lưới cáp thông tin hiện có sẽ được cải tạo, di chuyển và hạ ngầm theo các tuyến giao thông nhằm đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

* Đối với mạng hạ tầng viễn thông quy hoạch mới:

+ Toàn bộ cáp viễn thông hiện có sẽ được quy hoạch ngầm dọc theo các tuyến đường giao thông.

+ Hệ thống các tủ thông tin bố trí trên vỉa hè.

+ Hệ thống trạm phát sóng thông tin sử dụng loại trạm A1 (loại không công kênh), thân thiện với môi trường.

+ Đến năm 2035, phủ sóng wifi miễn phí cho toàn đô thị.

6.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2035 khoảng 8.300 m³/ng.đ

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực thị trấn Bến Sung đến năm 2035 được lấy từ các nhà máy cấp nước sau:

+ Nhà máy nước thị trấn Bến Sung hiện có: Nâng cấp công suất từ 1.500 m³/ngđ lên 5.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước thô từ hồ Đồng Lớn. (giai đoạn 1, cho đến khi dự án khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En đi vào hoạt động đồng bộ);

+ Xây dựng mới 01 nhà máy cấp nước phục vụ cho thị trấn Bến Sung và các xã vùng phụ cận (gồm Hải Long, Xuân Khang, Xuân Phúc, Xuân Thái, Yên Thọ, Mậu Lâm, Phượng Nghi, Phú nhuận, Cán Khê, Xuân Du), khu du

lich nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En, cụm công nghiệp có trong khu vực, công suất tính toán 25.000 m³/ngđ. Nguồn nước thô cấp cho nhà máy được lấy từ hồ Sông Mực, thay thế nhà máy 5.000m³/ngđ.

- Mạng lưới đường ống:

+ Hệ thống ống cấp nước được thiết kế trên cơ sở kế thừa và khớp nối với mạng lưới cấp nước hiện có, ống tính toán đảm bảo cấp đủ lưu lượng và áp lực trên đường ống. Mạng lưới cấp nước là mạng vòng kết hợp với mạng cụt.

+ Các trụ cứu hoả ngoài nhà chọn loại nổi D110, khoảng cách mỗi trụ cứu hoả 125 ÷ 150m/ trụ.

6.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải đến năm 2035 khoảng 6.624 m³/ngđ.

- Thu gom và xử lý thoát nước thải theo 03 khu vực như sau:

+ Khu vực phía Bắc sông Khe Rông: Nước thải được thu gom và đưa về xử lý tại trạm xử lý công suất 1.650 m³/ngđ, vị trí tại phía Nam đường từ thị trấn Bến Sung đi xã Phú Nhuận.

+ Khu vực phía Nam sông Khe Rông: Nước thải được thu gom và đưa về xử lý tại trạm xử lý công suất 3.000 m³/ngđ, vị trí tại phía Bắc QL45, khu phố 4.

+ Khu vực Khu du lịch sinh thái Bến En: bố trí 01 trạm xử lý nước thải công suất 2.000 m³/ng.đ để xử lý nước thải trong nội bộ khu.

- Mạng lưới thoát nước sử dụng ống UPVC đi ngầm dưới vỉa hè các tuyến giao thông thu gom toàn bộ nước thải của thị trấn về trạm xử lý.

b) Vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn: Giai đoạn trước mắt chất thải rắn thị trấn được xử lý tại bãi chôn lấp tại khu phố Hải Tiến. Giai đoạn sau được vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn vùng huyện Như Thanh.

- Nghĩa trang: Quy hoạch nghĩa trang thị trấn Bến Sung tại khu vực đồi thấp phía Nam hồ Bu Bu, quy mô 25,0ha để sử dụng lâu dài. Từng bước đóng cửa các nghĩa địa hiện có, cải tạo chỉnh trang theo mô hình công viên nghĩa trang.

7. Các hạng mục ưu tiên đầu tư

- Các dự án phát triển đô thị, du lịch phía Tây thị trấn Bến Sung tại khu vực hồ Bến En.

- Các dự án tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng để triển khai theo quy hoạch đô thị được duyệt

- Dự án mở rộng, tu bổ, tôn tạo di tích đền Phủ Sung;

- Dự án nghĩa trang huyện Như Thanh tại phía Nam Hồ Bu Bu;

- Các dự án khu dân cư, khu đô thị mới theo quy hoạch đô thị được phê duyệt;

- Dự án tuyến đường từ xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống nối khu du lịch Bến En, huyện Như Thanh;

- Dự án đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung và tuyến thị trấn Bến Sung đi Am Tiên;

- Dự án tuyến đường Thị trấn Bến Sung đi Yên Thọ và đường vành đai phía đông thị trấn;

- Dự án Bến xe thị trấn;

- Đầu tư các tuyến đường liên khu vực, đường chính khu vực;

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước mặt, thoát nước thải và trạm xử lý nước thải đô thị với hướng đầu tư đồng bộ - hiện đại;

- Đầu tư xây dựng hệ thống trạm biến áp mới, cấp điện; hệ thống chiếu sáng các trục chính;

- Cải tạo chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Như Thanh có trách nhiệm

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định, đóng dấu, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh đến năm 2035 cho Sở Xây dựng, địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại khoản 12 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H4.(2021)QDPD_DC QHC TT Ben Sung

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm